

hoạch sau. Ai có chủ trương làm sai chế độ thì người đó bị cắt tiêu chuẩn tiền thưởng.

Thông tư này được áp dụng thống nhất cho tất cả các xí nghiệp lưu thông, cung ứng vật tư, thương nghiệp và các xí nghiệp dịch vụ hạch toán kinh tế độc lập. Thông tư này được áp dụng cho việc phân phối lợi nhuận từ năm 1982 trở đi. Tất cả các điều liên quan đến phân phối lợi nhuận của các xí nghiệp lưu thông trái với thông tư này đều bãi bỏ. Đối với các xí nghiệp sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, vận tải hạch toán độc lập trong các ngành lưu thông được áp dụng chế độ phân phối lợi nhuận quy định chung cho từng loại xí nghiệp đó.

Trong quá trình thực hiện, các ngành, các cấp, các xí nghiệp có vướng mắc gì cần báo cáo kịp thời cho Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 1982
K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng
TRẦN TIÊU

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ số 351-KHCS ngày 9-9-1982 hướng dẫn thực hiện quyết định số 146-HĐBT ngày 25-8-1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc sửa đổi và bổ sung quyết định số 25-CP ngày 21-1-1981 của Hội đồng Chính phủ.

Ngày 25 tháng 8 năm 1982, Hội đồng bộ trưởng đã có quyết định số 146-HĐBT về việc sửa đổi và bổ sung quyết định số

25-CP. Ủy ban Vật giá Nhà nước hướng dẫn thực hiện quyết định trên của Hội đồng bộ trưởng về phần giá thành và giá cả như sau.

1. Những nguyên tắc, căn cứ xác định giá vật tư kỹ thuật đưa vào sản xuất để tính giá thành sản phẩm.

1. Đối với vật tư do Nhà nước cung ứng, thì dù được cung ứng đủ hay một phần và dùng để sản xuất sản phẩm thuộc phần kế hoạch do Nhà nước giao được cân đối vật tư chủ yếu hay phần kế hoạch bổ sung, đều tính theo giá chỉ đạo hiện hành của Nhà nước. Máy, thiết bị, nhà xưởng... dùng vào sản xuất sản phẩm của phần kế hoạch, do xí nghiệp xây dựng bổ sung cũng trích khấu hao theo tỷ lệ như đối với sản phẩm sản xuất của phần kế hoạch do Nhà nước giao.

2. Đối với vật tư do xí nghiệp tự kiểm kê cả vật tư dùng để sản xuất sản phẩm thuộc phần kế hoạch Nhà nước giao và vật tư dùng để sản xuất sản phẩm thuộc phần kế hoạch bổ sung, đều được tính toán và quy định theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đối với các nguyên liệu nông, lâm hải sản sau khi hợp tác xã, nông dân và địa phương đã hoàn thành xong các chỉ tiêu kế hoạch thu mua theo nghĩa vụ hay hợp đồng hai chiều thì xí nghiệp được mua theo giá thỏa thuận trong một khung giá tối đa, tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quy định có sự hướng dẫn về nguyên tắc và phương pháp của Ủy ban Vật giá Nhà nước. Khi quy định khung giá nói trên cần tính đến:

- Giá thành hợp lý của sản phẩm;
- Lợi nhuận thỏa đáng dành cho người sản xuất;
- Có chênh lệch giá hợp lý giữa các thời vụ, các khu vực và các vùng giáp ranh của các địa phương;

- Tham khảo giá thị trường và kết hợp với việc trao đổi hàng công nghiệp để không đẩy giá lên cao, gây tác động tiêu cực đối với nền kinh tế;

— Việc sản xuất ra sản phẩm từ nguyên liệu đó có hiệu quả hay không, trong đó phải bảo đảm nguồn thu tối thiểu cho ngân sách Nhà nước, không được lỗ.

b) Đối với các loại vật tư, nguyên liệu không phải do Nhà nước thống nhất quản lý và không phải của Nhà nước nhưng có lưu thông trên thị trường (do tồn kho của tư nhân, do kiều bào, lưu học sinh gửi từ nước ngoài về...) thì xí nghiệp được mua theo giá thỏa thuận.

c) Vật tư, nguyên liệu do các xí nghiệp quốc doanh nhượng lại cho nhau thì áp dụng giá hướng dẫn của Nhà nước như điều 7 và điều 8 của Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh đã quy định; cụ thể là nhượng lại bằng giá chỉ đạo mua vật tư của Nhà nước (giá mới) cộng với các chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hợp lý.

Khi xác định các chi phí này, cần tính đủ các chi phí đã phát sinh mà thực tế xí nghiệp có tài sản nhượng lại đã phải chi; xí nghiệp có tài sản nhượng lại không được tính thêm các chi phí bất hợp lý, những chi phí đáng ra phải tính vào các loại vật tư khác...

d) Vật tư do xí nghiệp và địa phương tự nhập khẩu, hiện nay nhiều địa phương và xí nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu với tỷ giá hối đoái rất cao. Do đó giá vật tư nhập khẩu thường bị đẩy lên rất cao, gấp nhiều lần so với giá Nhà nước quy định.

Vì vậy, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải tổ chức lại hoạt động xuất, nhập khẩu sao cho vừa khuyến khích đẩy mạnh xuất nhập khẩu, vừa bảo đảm có hiệu quả kinh tế. Chỉ có trên cơ sở đó mới có điều kiện xác định giá cả vật tư hàng hóa nhập khẩu một cách có kế hoạch và giữ được tính ổn định cần thiết.

Trước mắt việc xác định giá vật tư, nguyên liệu do địa phương và xí nghiệp tự nhập khẩu tạm thời theo nguyên tắc sau đây:

— Nếu là loại vật tư quan trọng và có khối lượng tương đối lớn, dùng để sản xuất các loại hàng quan trọng theo kế hoạch Nhà nước và thuộc loại vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý giá, thì vô luận là phần kế hoạch do Nhà nước giao được cân đối vật tư chủ yếu hay phần kế hoạch bổ sung, thì tính vào giá thành theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Khoản chênh lệch giữa giá vật tư thực nhập so với giá chỉ đạo của Nhà nước được giải quyết theo các cách sau đây:

Dùng chênh lệch giữa xuất và nhập khẩu để cân đối.

Xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp hoặc địa phương tự bù trừ bằng nguồn thu của mình để bảo đảm thu quốc doanh của Nhà nước.

Trường hợp không cân đối được xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp hoặc địa phương bị lỗ thì báo cáo với các cơ quan tài chính, vật giá xem xét và kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền quyết định giảm mức thu quốc doanh.

— Nếu là loại vật tư dùng để sản xuất các sản phẩm không thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý thì xí nghiệp được tính vào giá thành theo giá nhập được cơ quan vật giá địa phương xét duyệt; địa phương và xí nghiệp không được tự tính toán theo phương pháp riêng của mình và không được tùy tiện nâng giá hàng nhập để hạch toán vào giá thành.

3. Vật tư là phế liệu, phế phẩm, vật tư thanh lý thì xí nghiệp được tính theo giá do hội đồng thanh lý quy định và được hai bên mua bán thỏa thuận, nhưng không được định cao hơn giá vật tư chính phẩm. Nghiêm cấm việc biến vật tư chính phẩm thành phế liệu.

4. Mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng tính vào giá thành phải theo các định mức hợp lý về hao phí vật tư,

như nghị định số 201-CP ngày 26-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về công tác định mức kinh tế - kỹ thuật đã quy định.

5. Do có hai nguồn vật tư (do Nhà nước cung ứng và do xí nghiệp tự kiếm) dẫn đến cùng một loại vật tư dùng để sản xuất một loại sản phẩm, nhưng giá vật tư khác nhau. Vì vậy xí nghiệp cần tổ chức hạch toán riêng, chi phí về hai loại vật tư này trong giá thành của sản phẩm để tiện cho việc theo dõi, kiểm tra.

II. Việc xét duyệt giá thành và giá cả đối với sản phẩm thuộc phần kế hoạch Nhà nước giao và sản phẩm thuộc phần kế hoạch bổ sung.

1. Đối với sản phẩm mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì dù sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu do Nhà nước cung ứng hay chủ yếu do xí nghiệp tự kiếm, xí nghiệp đều phải lập phương án và tờ trình lên cấp có thẩm quyền quyết định theo điều lệ phân công, phân cấp quản lý giá.

Khi lập và trình phương án giá đối với sản phẩm có sử dụng nguyên liệu, vật tư do xí nghiệp tự kiếm, xí nghiệp phải giải thích kỹ những chi phí về phần nguyên liệu do xí nghiệp tự kiếm và kiến nghị các mức giá có căn cứ kinh tế. Trong trường hợp giá bán buôn xí nghiệp của sản phẩm thuộc phần kế hoạch bổ sung vượt giá bán buôn công nghiệp hiện hành, xí nghiệp phải kiến nghị không những giá bán buôn xí nghiệp mà cả giá bán buôn công nghiệp để tiện cho việc xét duyệt giá. Mức giá kiến nghị phải được sự thỏa thuận của bên đặt hàng.

2. Khi xác định giá bán buôn xí nghiệp, cần chú ý các trường hợp sau đây:

a) Lợi nhuận định mức trong giá bán buôn xí nghiệp của sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu chủ yếu do Nhà nước cung ứng được xác định theo chế độ hiện hành bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với giá thành hợp lý của sản phẩm đó.

b) Lợi nhuận định mức của sản phẩm sản xuất bằng nguyên liệu tự kiếm cũng

bằng lợi nhuận tính theo số tuyệt đối của sản phẩm cùng loại sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu do Nhà nước cung ứng. Việc khuyến khích xí nghiệp trong việc tự kiếm nguyên vật liệu, đẩy mạnh sản xuất sẽ được giải quyết trong khi phân phối lợi nhuận đạt được do Bộ Tài chính hướng dẫn căn cứ vào quyết định của Hội đồng bộ trưởng.

Do có hai nguồn nguyên liệu khác nhau với giá cả khác nhau, cho nên cùng một sản phẩm nhưng tùy theo nguồn nguyên liệu được cung ứng mà giá thành có thể khác nhau, dẫn đến giá bán buôn xí nghiệp khác nhau. Vì vậy khi quyết định giá bán buôn xí nghiệp cần ghi rõ giá nào áp dụng cho loại sản phẩm nào, với số lượng bao nhiêu...

3. Giá bán buôn công nghiệp được xác định theo nguyên tắc giá bán lẻ (đối với hàng tiêu dùng) trừ lùi chiết khấu thương mại; hoặc giá bán buôn vật tư (đối với vật liệu sản xuất) trừ lùi chiết khấu vật tư. Vì vậy, dù là sản phẩm sản xuất bằng nguồn nguyên liệu nào cũng sẽ có giá bán buôn công nghiệp thống nhất, có chênh lệch theo chất lượng sản phẩm. Sau khi xác định giá bán buôn công nghiệp theo cách trừ lùi chiết khấu như trên, có thể xảy ra các trường hợp khác nhau và cách giải quyết như sau:

Nếu giá bán buôn công nghiệp cao hơn giá bán buôn xí nghiệp thì Nhà nước tiến hành thu quốc doanh theo chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp và giá bán buôn xí nghiệp.

Nếu giá bán buôn công nghiệp thấp hơn giá bán buôn xí nghiệp thì tùy theo trường hợp mà kiến nghị giải quyết theo một trong hai cách:

Nếu là sản phẩm thiết yếu quan trọng, không thể điều chỉnh lên giá bán buôn vật tư hoặc giá bán là hiện hành và giá bán buôn công nghiệp, thì xí nghiệp phải báo cáo ngay để cơ quan quản lý cấp trên xem xét và giải quyết.

Nếu là sản phẩm mà xét ra có thể điều chỉnh giá bán buôn vật tư, hoặc giá bán lẻ

và giá bán buôn công nghiệp lên thì xí nghiệp cần kiến nghị mức điều chỉnh hợp lý.

Trường hợp phải điều chỉnh giá bán buôn vật tư, giá bán lẻ và giá bán buôn công nghiệp thì hoặc do Hội đồng bộ trưởng quyết định (đối với các sản phẩm do trung ương thống nhất quản lý giá), hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quyết định (đối với sản phẩm sản xuất và tiêu thụ ở địa phương mà không thuộc loại do trung ương không thống nhất quản lý giá). Ủy ban vật giá các cấp là cơ quan tham mưu chính, do vậy các xí nghiệp, các cơ quan chủ quản cấp trên của xí nghiệp phải gửi đầy đủ tài liệu và báo cáo cụ thể tình hình sản xuất kinh doanh và phương án giá kiến nghị cho Ủy ban vật giá.

III. Đối với sản phẩm của sản xuất phụ.

Đối với sản phẩm của sản xuất phụ, xí nghiệp và bên đặt hàng được mua bán theo giá thỏa thuận. Nhưng xí nghiệp cũng phải hạch toán giá thành, lập phương án giá và đăng ký với cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của xí nghiệp và cơ quan vật giá

cấp có thẩm quyền duyệt giá theo chế độ phân cấp quản lý giá. Phần vật tư, năng lượng, thiết bị, nhà xưởng của Nhà nước mà xí nghiệp được phép sử dụng trong quá trình sản xuất phụ, xí nghiệp được hạch toán vào giá thành của sản phẩm theo giá chỉ đạo của Nhà nước; phần vật tư mua ngoài được tính theo giá thu mua, nhưng phải chấp hành tốt các quy định về quản lý thị trường và giá cả của Nhà nước. Tiền lương, tiền thưởng của công nhân sản xuất phụ được tính theo quy định của Nhà nước như đối với công nhân sản xuất chính. Không được phân bổ các chi phí của sản xuất phụ vào chi phí của sản xuất chính.

Phần sản phẩm của sản xuất phụ mà xí nghiệp được dùng để bán thương cho cán bộ, công nhân, viên chức trong xí nghiệp, phải bán theo giá bán buôn công nghiệp, tuyệt đối không được bán theo giá thấp hơn, gọi là giá nội bộ.

Thông tư này thay cho thông tư số 4-VGNN/KHCS ngày 23-7-1981 của Ủy ban Vật giá Nhà nước.

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 1982

Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước
ĐOÀN TRỌNG TRUYỀN